

Name: _____



Date: / / 20....

Class: S4

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 4

UNIT 4 – FOOD: VOCABULARY 1

❖ Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có): con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	cheese (n)	pho mát	10	seed (n)	hạt, hạt giống
2	mushroom (n)	nấm	11	jam (n)	mứt
3	papaya (n)	quả đu đủ	12	crunchy (adj)	giòn (phát ra âm thanh lớn khi nhai)
4	cress (n)	cải xoong	13	fresh (adj)	tươi mới
5	okra (n)	đậu bắp	14	delicious (adj)	ngon
6	courgette (n)	bí ngòi	15	grow (v)	trồng
7	raspberry (n)	quả mâm xôi	16	rinse (with water...) (v)	rửa sạch (với nước...)
8	dragon fruit (n)	quả thanh long	17	press (v)	nhấn, ép, ấn
9	durian (n)	quả sầu riêng	18	fold (v)	gấp

❖ Lưu ý: n = Noun: Danh từ, v = Verb: Động từ, adj = Adjective: Tính từ

❖ Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có): con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer.

0. Eat plenty of _____ fruits and vegetables.

☒ A. fresh

B. fold

C. jam

1. This _____ is fresh and sweet. It's my favourite fruit.

A. cheese

B. delicious

C. papaya

2. In Vietnam, we usually use _____ to make soup.

A. dragon fruit

B. cress

C. durian

3. Colourful _____ might be toxic (có độc).

A. mushrooms

B. press

C. crunchy

4. Bananas are soft, but cereals are _____.

A. durian

B. crunchy

C. jam

5. _____ is a small soft red fruit.

A. Raspberry

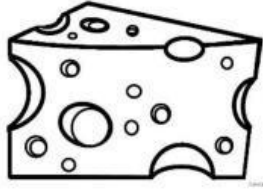
B. Cheese

C. Papaya

II. Sort the letters and write the words under the pictures.



0. drogan uifrt
→ dragon fruit



1. eeesch
→ _____



2. ushmmoor
→ _____



3. rrraspybe
→ _____



4. rako
→ _____



5. oucgerett
→ _____

III. Fill in the blank.

0. Eat plenty of f r e s h fruits and vegetables.

- Who cooked this? It is very d _ _ _ i _ _ i _ _ _ s!
- I f _ _ _ d the letter and put it in my bag.
- R _ _ n _ _ e the cooked pasta with boiling water.
- You need to p _ _ e _ _ s this button to play.
- My brother hates the smell of d _ _ r _ _ _ n.

IV. Fill in the blank using words from the box.

<u>fresh</u>	rinse	grow	seeds	jam	crunchy
--------------	-------	------	-------	-----	---------

0. Eat plenty of fresh fruits and vegetables.

- You should _____ the vegetables with water before you cook.
- We usually don't eat _____.
- James put some _____ on the bread and brought it to work.
- I want to know how to _____ an apple tree.
- The popcorn is so _____! I can't stop eating them.

Helen is talking to a man about his castle. What does the man say?

Read the conversation and choose the best answer.

Write a letter (A–H) for each answer.

You do not need to use all the letters. There is one example.

Example



Helen:

Please can I ask you some questions about your castle? It's for my homework.



Man:

..... C

Questions



Helen:

Your castle is lovely! Have you lived here for a long time?



Man:

.....



Helen:

Does the castle have an interesting history?



Man:

.....



Helen:

Have you ever felt afraid in the castle?



Man:

.....



Helen:

Lots of people visit your home, don't they?



Man:

.....



Helen:

Who cleans the castle?



Man:

.....



- A My wife and I do that for three hours a day. It's a big job.
- B I came here when I was four or five years old.
- C Of course you can. I'm happy to help. **(Example)**
- D Only twice, when I heard strange sounds which I don't like.
- E Me too. It's very quiet here because we live in the countryside.
- F Oh yes! A famous queen lived here in the sixteenth century.
- G I can't remember but it's very old.
- H We enjoy having them here and learning about this important place.

Con nghe bài theo link sau (con lưu ý không tua / chỉnh, chỉ cần bấm và nghe):

https://youtu.be/vz_NwSQWWQc?feature=shared&t=636 (từ phút 10:37 – 16:52)

Sally is telling Mr Castle about the people in her family and their jobs. What work do these people do?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



her dad

A



her mum



her sister



her uncle



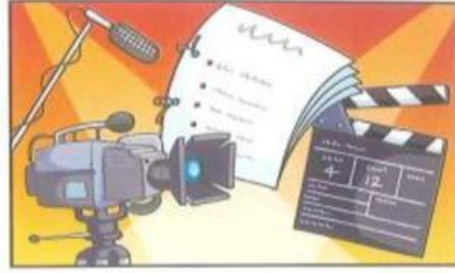
her aunt



her grandpa



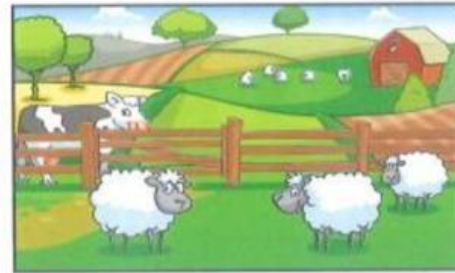
A



B



C



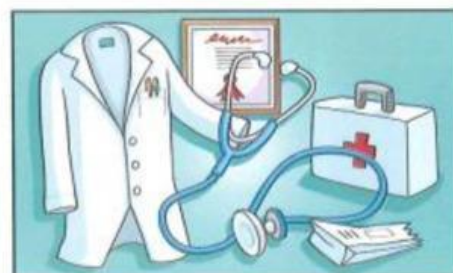
D



E



F



G



H

I. Complete the table.

No.	Vocab	Meaning	No.	Vocab	Meaning
0	<u>bedroom</u>	phòng ngủ	4	p_____	mặc vào
1	c_____	đầy màu sắc	5	e_____	nhà sinh thái
2	m_____	bùn	6	s_____	nhà sàn
3	u_____	rút / tháo phích cắm			

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 2 dòng.

II. Choose the underlined part in each sentence (A, B or C) that needs correcting.

0. I can to swim very well.

A. I

B. can

C. to swim

1. We not might go to the party tomorrow night.

A. not might

B. go

C. tomorrow night

2. He could to finish his project tonight.

A. could

B. to finish

C. his

3. The bags are made from leather.

A. The bags

B. are

C. from

4. This yellow toy is made from plastic.

A. toy

B. from

C. plastic

5. I bought a pen and some papers writing a note.

A. bought

B. some papers

C. writing